

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58 /2016/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe máy (kể cả xe máy điện), xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Giao thông Vận tải - Sở Tài chính - Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1556/TTrLN: SGTVT-STC-CT ngày 09/12/2016 về việc đề nghị phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội và Báo cáo thẩm định số 2580/STP-VBQP ngày 23/12/2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về mức giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với trông giữ xe thông thường: Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, xe ô tô.



Ph

2. Đối với trông giữ phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông: Người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT) theo quy định.

Riêng đối với các trường hợp sau:

2.1. Phương tiện bị tạm giữ nhưng xác định người sử dụng phương tiện giao thông không có lỗi trong việc chấp hành pháp luật về TTATGT thì không phải nộp tiền dịch vụ trông giữ phương tiện. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp tiền dịch vụ thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền dịch vụ đã thu. Trường hợp đơn vị thu là đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thì đơn vị ra quyết định tạm giữ phải chi trả cho đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện, khoản tiền dịch vụ trông giữ này từ khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ mà đơn vị được sử dụng.

2.2. Phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì số tiền dịch vụ trông giữ được sử dụng từ tiền bán đấu giá phương tiện vi phạm.

2.3. Trường hợp phương tiện bị tạm giữ được chuyển sang cơ quan điều tra thì không phải nộp tiền trông giữ.

Điều 3. Mức giá dịch vụ trông giữ xe

1. Các mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Thực hiện theo mức giá quy định tại phụ lục đính kèm. Riêng mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo tháng bên trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng giao chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành xây dựng mức giá cụ thể trình UBND quận, huyện, thị xã Sơn Tây phê duyệt nhưng không được cao hơn mức tối đa quy định tại mục 2.2.2 phụ lục đính kèm.

3. Đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng không được cao hơn mức giá quy định tại phụ lục đính kèm.

Điều 4. Đơn vị tổ chức thu (thực hiện theo phân cấp quản lý)

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện (Công an, Thanh tra giao thông...) có kho, bãi và đủ điều kiện quản lý trông giữ phương tiện.

3. Riêng đối với các cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không được thu tiền gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).

Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân: Niêm yết công khai tại địa điểm thu về mức giá, phương thức thu và cơ quan quy định thu; thực hiện thu theo giá niêm yết.

Điều 5. Quản lý, sử dụng số tiền thu được

1. Số tiền trông giữ xe là doanh thu của các tổ chức, cá nhân. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định.

2. Đối với các tổ chức, đơn vị thực hiện trông giữ phương tiện trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì số tiền thu được (nếu có) sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, phần còn lại được chi theo quy định.

Điều 6. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Trường hợp đến ngày 01/01/2017, chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng chưa được UBND quận, huyện, thị xã Sơn Tây phê duyệt mức giá cụ thể, chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành được tiếp tục thu theo mức đang thực hiện và có trách nhiệm triển khai xây dựng phương án giá trình UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về chính sách hoặc biến động về giá, UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với Sở Giao thông Vận tải để tham mưu, báo cáo UBND Thành phố kịp thời điều chỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- VPUB: Các PCVP; các phòng CV;
- Báo Hà Nội mới, Báo KTĐT;
- Cổng giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KT_g.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *TH*
KT. CHỦ TỊCH *TH*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn



PHỤ LỤC

GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2016/QĐ-UBND ngày 31 /12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe máy (kể cả xe máy điện)

- Các mức thu quy định dưới đây là mức thu đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có);
- Một lượt xe: là một lần xe vào, xe ra điểm trông giữ xe;
- Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

1.1. Mức giá bên ngoài các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại

* Tại địa bàn các quận; tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000

* Tại các Chợ, trường học, bệnh viện (không phân biệt theo địa bàn); tại địa bàn các huyện ngoại thành (trừ trường hợp trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá) và thị xã Sơn Tây.

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	50.000

1.2. Mức giá bên trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại

1.2.1. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại được đầu tư tầng trông giữ xe hiện đại (trang bị hệ thống giám sát: Camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	10.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	100.000

1.2.2. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại khác:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000

2. Giá trông giữ xe ô tô

2.1. Mức giá bên ngoài các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng

2.1.1. Giá trông giữ xe ô tô theo từng lượt

- Quy định về lượt xe

+ 1 lượt tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thu thêm các lượt tiếp theo.

+ Trường hợp gửi xe qua đêm (Từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 3 lượt.

Đơn vị tính: đồng/xe/lượt

Nội dung thu	Tại các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe ở địa bàn bốn quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa	Tại địa bàn bốn quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Trừ các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe)	Tại các quận (Trừ 4 quận trên)	Tại thị xã Sơn Tây và các huyện
Xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	40.000	30.000	25.000	20.000
Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn	50.000	40.000	30.000	25.000

2.1.2. Giá trông giữ xe ô tô hợp đồng theo tháng

2.1.2.1. Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách)

a. Đối với xe gửi tại nơi không có mái che

a.1. Tại các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe ở địa bàn bốn quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)	
	Xe đến 9 chỗ ngồi	Xe từ 10 chỗ ngồi trở lên
- Ban ngày	2.500.000	3.000.000
- Ban đêm	2.000.000	2.500.000
- Ngày, đêm	3.500.000	4.500.000

a.2. Tại 4 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Trừ các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe tại điểm a.1)

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	1.000.000	1.100.000	1.200.000	1.300.000
- Ban đêm	700.000	800.000	900.000	1.000.000
- Ngày, đêm	1.500.000	1.600.000	1.700.000	1.800.000

a.3. Tại các quận còn lại

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	700.000	800.000	900.000	1.000.000
- Ban đêm	500.000	600.000	700.000	800.000
- Ngày, đêm	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000

a.4. Tại thị xã Sơn Tây và các huyện

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	300.000	400.000	500.000	600.000
- Ban đêm	400.000	500.000	600.000	700.000
- Ngày, đêm	500.000	600.000	700.000	800.000

b. Đối với xe gửi tại nơi có mái che

b.1. Tại 4 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	1.100.000	1.200.000	1.300.000	1.400.000
- Ban đêm	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Ngày, đêm	1.600.000	1.700.000	1.800.000	1.900.000

b.2. Tại các quận còn lại

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Ban đêm	800.000	900.000	1.000.000	1.100.000
- Ngày, đêm	1.100.000	1.200.000	1.300.000	1.400.000

b.3. Tại thị xã Sơn Tây và các huyện

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	500.000	600.000	700.000	800.000
- Ban đêm	600.000	700.000	800.000	900.000
- Ngày, đêm	800.000	900.000	1.000.000	1.100.000

2.1.2.2. Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

a. Tại khu vực các quận

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Ban ngày	400.000	500.000	700.000
- Ban đêm	500.000	600.000	800.000
- Ngày, đêm	600.000	700.000	900.000

b. Tại thị xã Sơn Tây và các huyện

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Ban ngày	300.000	400.000	550.000
- Ban đêm	400.000	500.000	650.000
- Ngày, đêm	500.000	600.000	750.000

2.2. Mức thu bên trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng

2.2.1. Mức thu theo lượt đối với xe ô tô đến 09 chỗ ngồi như sau

Quy định về lượt xe: 01 lượt tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thu thêm các lượt tiếp theo. Trường hợp gửi xe qua đêm (từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 3 lượt.

Địa bàn thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
Tại quận Hoàn Kiếm; Ba Đình; Hai Bà Trưng; Đống Đa	đồng/xe/lượt	40.000
Các quận còn lại	đồng/xe/lượt	30.000
Các huyện và thị xã Sơn Tây	đồng/xe/lượt	25.000

2.2.2. Mức giá tối đa hợp đồng theo tháng đối với xe ô tô đến 9 chỗ ngồi

Địa điểm thu	Mức thu (đồng/xe/tháng)		
	Trông giữ ban ngày mức tối đa	Trông giữ ban đêm mức tối đa	Trông giữ ngày và đêm mức tối đa
Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe hiện đại (trang bị hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện người gửi; quản lý điểm đỗ; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động; bảo hiểm gửi xe)	1.500.000	1.600.000	3.000.000
Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng khác	800.000	1.200.000	1.800.000

3. Giá trông giữ phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ

3.1. Trường hợp đối tượng nộp giá dịch vụ là người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT)



Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
- Xe máy, xe lam	đồng/xه/ngày đêm	8.000
- Xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe xích lô	đồng/xه/ngày đêm	5.000
- Xe ô tô đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	đồng/xه/ngày đêm	70.000
- Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn trở lên	đồng/xه/ngày đêm	90.000

3.2. Trường hợp phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì giá trông giữ như sau: Căn cứ loại xe; số ghế xe ô tô chở người; trọng tải xe, địa điểm trông giữ xe, thời gian trông giữ xe: Áp dụng mức giá thu trông giữ xe hợp đồng theo tháng tại biểu dưới đây nhưng mức thu tối đa bằng số tiền bán phương tiện tịch thu sau khi trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ cho việc bán phương tiện theo quy định.

3.2.1. Đối với xe đạp, xe máy điện, xe đạp điện, xe xích lô

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
- Tại các quận	đồng/xه/tháng	40.000
- Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xه/tháng	30.000

3.2.2. Đối với xe máy, xe lam:

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
- Tại các quận	đồng/xه/tháng	70.000
- Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xه/tháng	50.000

3.2.3. Giá trông giữ xe ô tô

- Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách)

Địa điểm trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Tại 4 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa	1.500.000	1.600.000	1.700.000	1.800.000
- Tại các quận còn lại	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Tại thị xã Sơn Tây và các huyện	500.000	600.000	700.000	800.000

- Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

Địa điểm trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Tại các quận	600.000	700.000	900.000
- Tại thị xã Sơn Tây và các huyện	500.000	600.000	750.000